

Bản án số: 38/2021/HS-ST
Ngày 31/5/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Huy Hoàng và ông Đoàn Văn Chương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 5 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN Q (không có tên gọi khác). Sinh ngày 05 tháng 01 năm 1992, tại: Q, Q. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Khu 7, phường Q, thị xã Q, Q; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn Th (đã chết) và bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1964; Có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1998, có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018:

Tiền án: Ngày 30/4/2020, bị Tòa án nhân dân thị xã Q xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 30/10/2020 chấp hành xong hình phạt.

Tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 10/02/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q - Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Trung tâm Truyền thông và Văn hóa thị xã Q.

Đại diện theo ủy quyền: Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1978.

Cán bộ Trung tâm Truyền thông và Văn Hóa thị xã Q, địa chỉ: thuộc khu 5, thị xã Q, tỉnh Q. Có đơn xin xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh **Phan Hữu H**, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Khu 8, phường Q, thị xã Q, tỉnh Q. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

+ Chị **Bùi Thị B**, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Khu G, phường Q, thị xã Q, tỉnh Q. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Khu Giếng Chanh, phường Q, thị xã Q, tỉnh Q. Vắng mặt.

+ Anh **Vũ Quang V**, sinh năm 1972

Nơi cư trú: Khu R, phường Q, thị xã Q, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khi đi qua khu vực Trung tâm Truyền thông và Văn hóa thị xã Q thuộc khu 5, phường Q, thị xã Q, Q phát hiện trong sân có để một số khung kim loại nên đã nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 07 giờ 00 phút ngày 02/02/2021, Q rủ Nguyễn Văn C, trú tại khu G, phường Q, thị xã Q đi trộm cắp cùng, C đồng ý và dùng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng nâu, biển kiểm soát 14X1-250.87 chở Q. Khi đến nơi C dùng xe đứng ngoài đường canh giới, Q trèo qua tường rào vào sân, bê 01 khung kim loại mang ra rồi cùng C chở đi bán cho anh Phan Hữu H, trú tại khu 8, phường Q, thị xã Q được 210.000 đồng. Tiếp đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 10/02/2021, C và Q lại rủ nhau đến vị trí cũ lấy tiếp một khung kim loại và lại bán cho anh H được 210.000 đồng. Số tiền bán được Q và C chia nhau ăn tiêu hết. Cùng ngày C đến Công an thị xã Q đầu thú và Q bị bắt giữ khẩn cấp. Vật chứng đã thu giữ: 01 khung kim loại hình cánh buồm nặng 34,5 kg; 01 xe mô tô BKS 14X1-250.87; Anh Nguyễn Văn C tự nguyện nộp lại 405.000 đồng khắc phục hậu quả.

Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã Q xác định: 02 chiếc khung sắt hình cánh buồm đã qua sử dụng có tổng trị giá 1.620.000 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 37/CT - VKSQY, ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q giữ nguyên quan điểm truy tố tại Bản cáo trạng về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt: Nguyễn Văn Q tù: 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/02/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải bồi thường 405.000 đồng cho Trung tâm Truyền thông và Văn hóa thị xã Q.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng:

01 chiếc khung sắt hình cánh buồm đã qua sử dụng đã trả cho chủ sở hữu nên không đề cập xử lý, còn 01 chiếc khung sắt hình cánh buồm đã qua sử dụng không thu hồi nhưng Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền 405.000 đồng (do anh Nguyễn Văn C nộp khắc phục hậu quả) cho đại diện bị hại là anh Nguyễn Văn Q.

Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng nâu, biển kiểm soát 14X1-250.87, xác định là tài sản của chị Bùi Thị B (vợ C) nhưng chị B không biết C sử dụng vào mục đích trộm cắp nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị B nên không đề cập xử lý.

Đối với hành vi của anh Phan Hữu H đã mua 02 khung kim loại nhưng không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có, không yên cầu bị cáo hoàn trả số tiền 420.000 đồng nên không đề cập xử lý.

Đối với Nguyễn Văn C tham gia trộm cắp nhưng trị giá tài sản dưới 2.000.000 đồng và C chưa có tiền án, tiền sự về tội chiếm đoạt nên chưa đủ cơ sở để khởi tố, Công an thị xã Q đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với C.

* Tại phần tranh luận Bị cáo không có tranh luận gì và thừa nhận việc truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội làm lại từ đầu, trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết

định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của bị hại, Người làm chứng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Văn Q có tiền án về tội Trộm cắp tài sản, trong các ngày 02/02/2021 và ngày 10/02/2021 đã vào Trung tâm truyền thông và Văn hóa thị xã Q, lén lút trộm cắp 02 khung kim loại có giá trị 1.620.000 đ (một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “ *Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại là anh Nguyễn Văn Q vắng mặt có lời khai trong hồ sơ thể hiện:

Anh là cán bộ viên chức Trung tâm Truyền thông và Văn Hóa (viết tắt là Trung tâm TT và VH) thị xã Q và được giao nhiệm vụ quản lý các thiết bị dụng cụ phục vụ hoạt động tuyên truyền văn hóa nghệ thuật... trên địa bàn thị xã Q của Trung tâm TT và VH. Ngày 10/02/2021, Trung tâm TT và VH phát hiện bị mất trộm 02 khung kim loại hình cánh buồm để trong khuôn viên của Trung tâm TT và VH và anh đã đến Cơ quan Công an để trình báo sự việc. Trị giá 02 khung kim loại này khoảng 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng). Sau khi trình báo Cơ quan Công an đã xác minh làm rõ và đã thu giữ được 01 khung kim loại hình cánh buồm, khung còn lại đã bị tháo dỡ bán không rõ bán cho ai. Trong quá trình làm việc anh đã có bản khai và cam đoan là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Anh được Trung tâm TT và VH thị xã Q ủy quyền giải quyết vụ việc. Anh yêu cầu bị cáo phải bồi thường 405.000 đồng. (bút lục 78).

Trong đơn xin vắng mặt anh Nguyễn Văn Q trình bày: Tài sản là 02 khung kim loại hình cánh buồm, đã được nhận lại 01 khung kim loại, còn 01 khung anh đã nhận 405.000 đồng do anh Nguyễn Văn C nộp khắc phục hậu quả, còn lại bị cáo phải bồi thường 405.000 đồng. Về phần hình phạt, anh yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Hữu H vắng mặt có lời khai trong hồ sơ thể hiện: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 10/02/2021, anh đang ở nhà thu mua phế liệu tại khu 8, phường Q, thị xã Q thì có 02 người nam thanh niên anh không biết tên. Trong đó có 01 thanh niên nhà gần Nhà văn hóa khu 8, phường Q, người này làm nghề xây dựng, điều khiển xe mô tô Surius màu trắng chở theo nam thanh niên còn lại vác trên vai một khung kim loại hình cánh buồm và nói là khung sắt của gia đình, không dùng nữa mang đi bán. Thấy vậy anh đồng ý mua và cân lên được 34,5

kg đồng thời trả cho hai thanh niên trên với số tiền 210.000 đồng. Trước đó khoảng tháng 01/2021, hai thanh niên này cũng đã chở đến bán cho anh 01 khung kim loại hình cánh buồm và anh cũng trả 210.000 đồng. Sau khi mua được khung kim loại này anh đã tháo ra và bán cho người khác, không rõ là đã bán cho ai.. Sau khi mua được khung kim loại hình cánh buồm vào ngày 10/02/2021 và được biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên anh đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an để giải quyết. Bản thân anh không biết 02 khung kim loại nêu trên là do trộm cắp mà có. (bút lục 86).

Tại đơn xin xử vắng mặt anh H trình bày: Anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh. Về phần hình phạt, anh đề nghị xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Bị cáo Q là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp thực hiện hành vi nhằm chiếm đoạt tài sản đem bán để chi tiêu cho bản thân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ mà còn gây mất trật tự và gây hoang mang cho quần chúng nhân dân tại địa phương. Hành vi bị cáo đã thực hiện tuy giá trị tài sản trộm cắp không lớn (dưới 2.000.000 đồng) nhưng bị cáo đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản nhưng chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo bị cáo trở thành một công dân có ích cho xã hội và đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, tuyên truyền pháp luật cũng như đảm bảo tính dẫn đe đối với bị cáo. Tuy nhiên cũng cần xem xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo trong vụ án.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên, cần thiết cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tuy bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp 02 lần nhưng đều dưới 2.000.000 đồng và bị khởi tố và truy tố thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự nên không áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Về vật chứng:

- 01 (một) chiếc khung sắt hình cánh buồm đã trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Surius màu trắng nâu, biển kiểm soát 14X1 - 250.87 là tài sản hợp pháp của chị Bùi Thị B và chị B không có yêu cầu gì, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Bắc nên không đề cập.

[6] Về hình phạt bổ sung là hình phạt tiền: Xét bị cáo nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho đại diện bị hại là anh Nguyễn Văn Q số tiền 405.000 đồng.

[8] Xét những chứng cứ mà Kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội bị cáo đã được Cơ quan điều tra thu thập theo đúng trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng Hình sự quy định; Tại phiên tòa bị cáo cũng đã thừa nhận thực hiện hành vi như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát. Nên lời buộc tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Q phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về các vấn đề khác liên quan trong vụ án:

Đối với hành vi của anh Phan Hữu H mua 02 khung kim loại hình cách buồm là vật chứng của vụ án nhưng anh H không biết do phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Đối với Nguyễn Văn C là người cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo nhưng tài sản trộm cắp dưới 2.000.000 đồng, bản thân C chưa có tiền án, tiền sự. Công an thị xã Q đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với C. Do vậy không đủ cơ sở xử lý hình sự đối với C nên không đề cập.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Q**, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Văn Q** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/02/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải bồi thường cho bị hại đại diện theo ủy quyền của bị hại là anh Nguyễn Văn Q số tiền 405.000đ (bốn trăm linh năm nghìn đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự.

** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Q;
- VP Công an tỉnh Q
- VKSND TX. Q;
- Công an TX. Q;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS TX. Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phan Tuấn Anh